



CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI



HỘI NGHỊ TẬP CHÍNH SÁCH THUẾ,

HƯỚNG DẪN QTT 2016



NỘI DUNG

**I. MỘT SỐ ĐIỂM LUU Ý KHI THỰC
HIỆN QTT TNCN 2016**

**II. CÁC TÌNH HUỐNG VƯỚNG
MẮC THƯỜNG GẶP**



VBPL VỀ THUẾ TNCN HIỆN HÀNH

LUẬT

- Luật số 04/2007/QH12
- Luật số 26/2012/QH13
- Luật số 71/2014/QH13

Hệ thống văn bản pháp quy
áp dụng hiện hành

NGHỊ ĐỊNH

- Nghị định 65/2013/NĐ-CP
- Nghị định 91/2014/NĐ-CP
- Nghị định 12/2015/NĐ-CP

THÔNG TƯ

- Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013
- Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014
- Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 15/11/2014
- Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 30/7/2015
- Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016



I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN

1. Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai QTT nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ thuế

TRỪ

CN có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau

CN có TN từ tiền lương, tiền công ký HĐLD từ 03 tháng trở lên tại một đvị mà có thêm TN vãng lai bình quân tháng trong năm không quá 10 trđ đã được đvị trả TN khấu trừ thuế tại nguồn 10%

CN được NSDLĐ mua BH nhân thọ (trừ BH hưu trí tự nguyện), BH không bắt buộc khác có tích lũy về phí BH mà NSDLĐ hoặc DNBH đã khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC



I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN (TIẾP)

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Có trách nhiệm khai QTT và QTT thay cho CN có UQ

Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản

chuyển đổi
loại hình DN,
kế thừa toàn
bộ nghĩa vụ
về thuế

~~Không phát sinh trả TN từ tiền
lương, tiền công trong năm 2016~~

chậm nhất
ngày thứ 45

QTG đối với số thuế TNCN
đã khấu trừ và cấp chứng
tù khâu trừ thuế cho NLĐ

CT TNHH

CTCP

DN 100%
VỐN NN

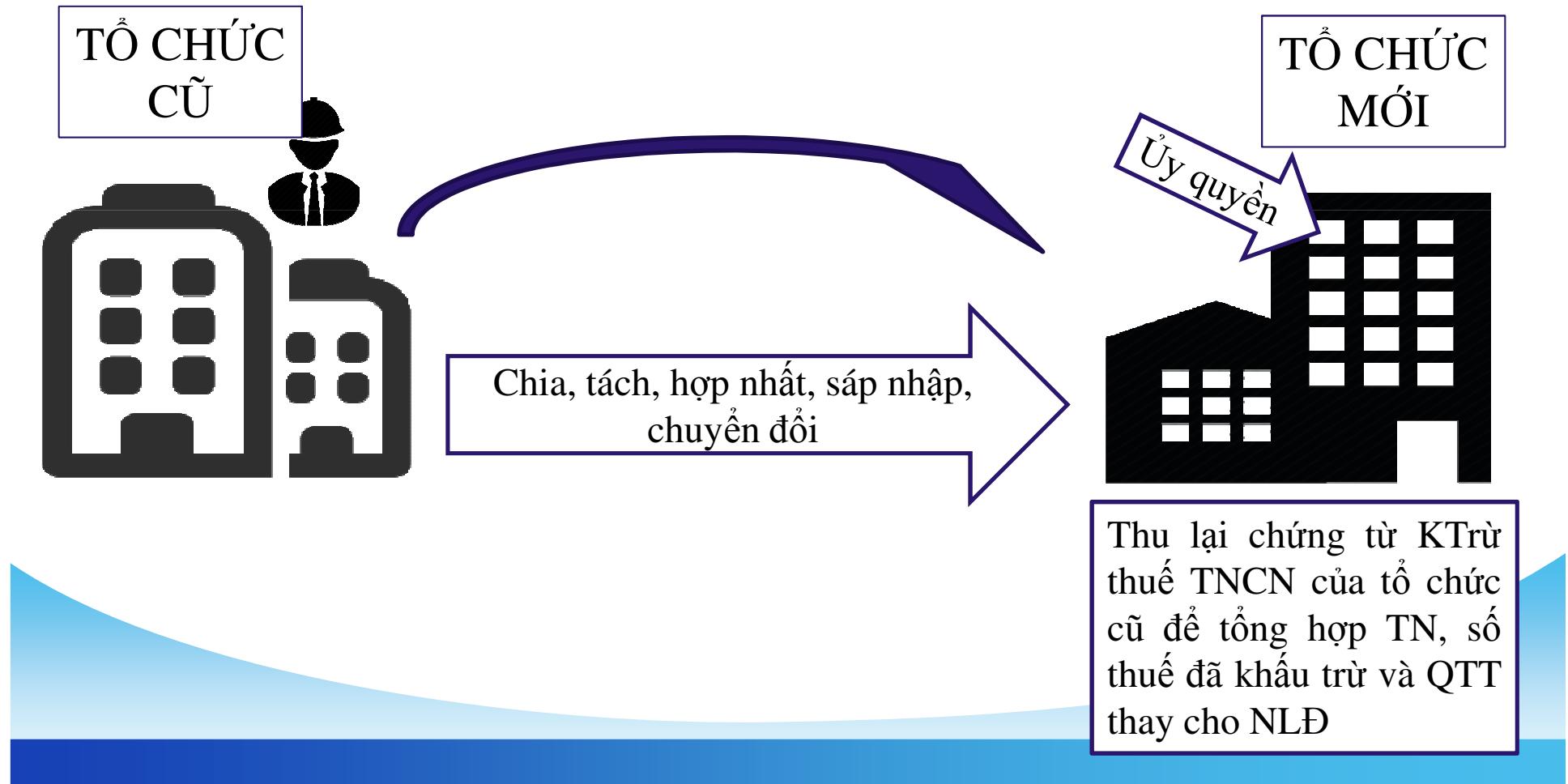
CTCP

TRỪ



I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN (TIẾP)

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công





I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN (TIẾP)

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Giải thể, chấm
dứt hoạt động

Không thực hiện
QTТ TNCN

Phát sinh trả TN
nhưng không phát
sinh ktrù thuế
TNCN

Nộp danh sách cá nhân
đã chi trả thu nhập trong
năm

Chậm nhất ngày thứ 45
Mẫu số 05/DS-TNCN

CQ
THUẾ



II. HÌNH THỨC QTT TNCN

1. Cá nhân ủy quyền quyết toán thuế qua tổ chức trả thu nhập

CN có TN từ TL, TC+ ký HĐLD từ 03 tháng trở lên tại một TCTTN và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm UQ QTT

NLD điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (sau khi tổ chức lại DN) + không có thêm TN từ TL, TC tại nơi khác

Điều chuyển NLD giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống:
Tập đoàn, Tổng CT, CT mẹ - con,
Trụ sở chính và chi nhánh

CN có TN từ TL, TC + ký HĐLD từ 03th trở lên tại một TCTTN + có TN vãng lai ở nơi khác bq tháng không quá 10 trđ đã đc đvị trả TN ktrừ thuế 10%

không có yêu cầu QTT đối với TN vãng lai

có yêu cầu QTT đối với TN vãng lai

UQ

TƯ
QT



II. HÌNH THÚC QTT TNCN (TIẾP)

1. Cá nhân ủy quyền quyết toán thuế qua tổ chức trả thu nhập

Cá nhân ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay theo mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN

Tổ chức trả thu nhập có số lượng lớn người lao động ủy quyền quyết toán thuế lập danh sách các cá nhân ủy quyền trong đó phản ánh đầy đủ các nội dung tại mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN



II. HÌNH THỨC QTT TNCN (TIẾP)

2. Cá nhân quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế

Đảm bảo ĐK
được UQ tại
điểm 1 nhưng
đã được tổ chức
trả thu nhập cấp
chứng từ khâu
trừ thuế TNCN
**(trừ trường
hợp nộp lại)**

Không
đảm bảo
ĐK được
Ủy quyền
tại điểm 1

CN chỉ có TN vãng lai
đã khấu trừ thuế theo
tỷ lệ 10%

CN có TN từ TL, TC
ký HĐLD từ 03 tháng
trở lên tại một đơn vị +
có TN vãng lai chưa
khấu trừ thuế

Cụ thể

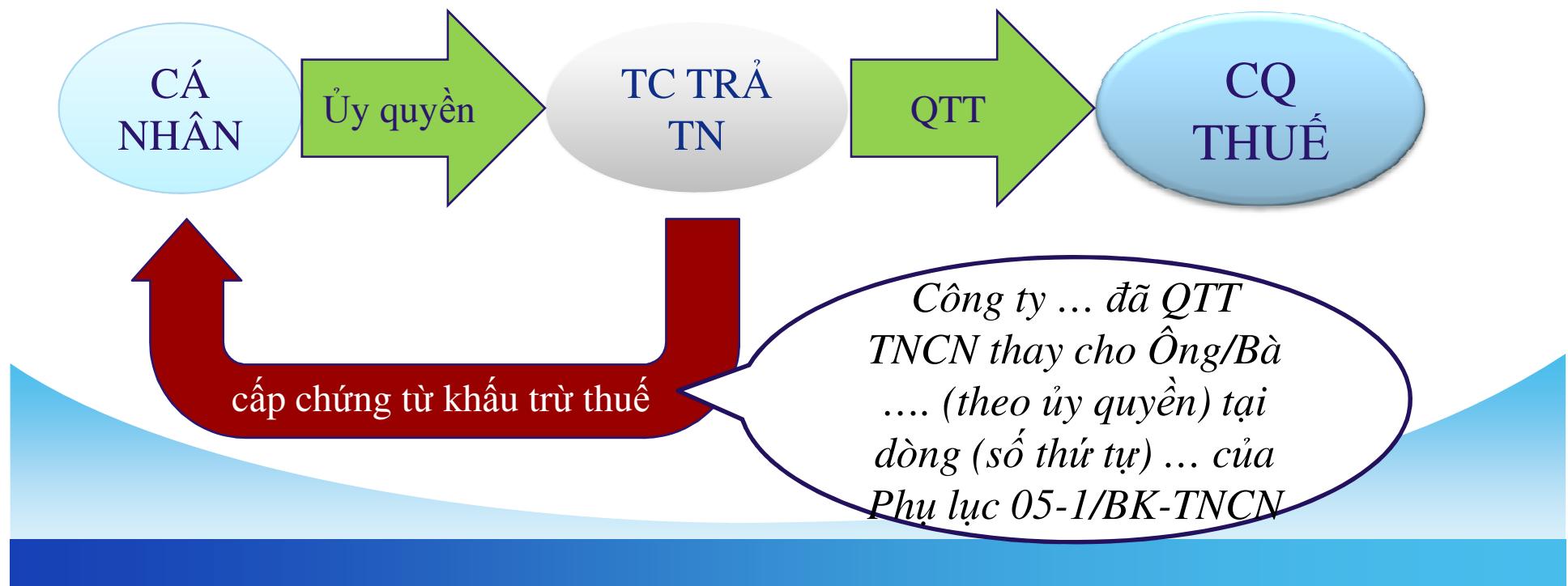
Cụ thể



II. HÌNH THÚC QTT TNCN (TIẾP)

3. Trường hợp điều chỉnh sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế

Không đảm bảo ĐK được
ủy quyền





MỘT SỐ LUU Ý VỀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

Giảm trừ
cho bản
thân

CN cư trú trong
năm chưa tính
hoặc tính ko đủ
12 tháng

Giảm trừ đủ 12
tháng khi QTT

Giảm trừ
cho NPT

NPT đã đăng
ký và có đầy đủ
HS chứng
minh NNT

Được tính giảm
trừ năm 2016 kể
cả TH chưa được
CQT cấp mã.



MỘT SỐ LUU Y VỀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

TH đăng ký
NPT sau
thời điểm
phát sinh
nghĩa vụ
nuôi dưỡng

HS đăng ký
khai **đúng**
thời điểm PS

Khi QTT được
tính đúng thời
điểm và **ko** phải
đăng ký lại

TH đăng ký
NPT sau
thời điểm
phát sinh
nghĩa vụ
nuôi dưỡng

HS đăng ký
khai **sau** thời
điểm PS

Khi QTT được
tính đúng thời
điểm và **phải** đăng
ký lại cùng hs
QT



III. HỒ SƠ KHAI QTT TNCN

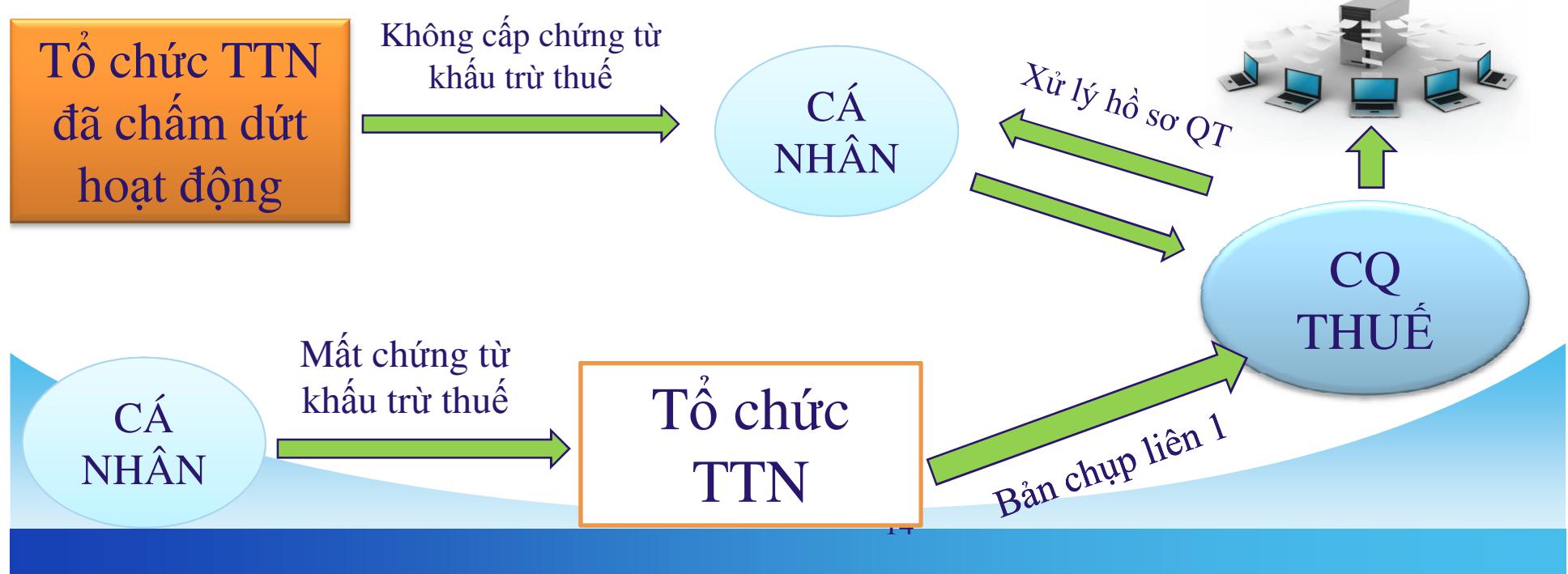
Điểm b.2, K1; điểm b.2, K2, Điều 16 TT 156/TT-BTC ngày 06/11/2013

Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014

Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014

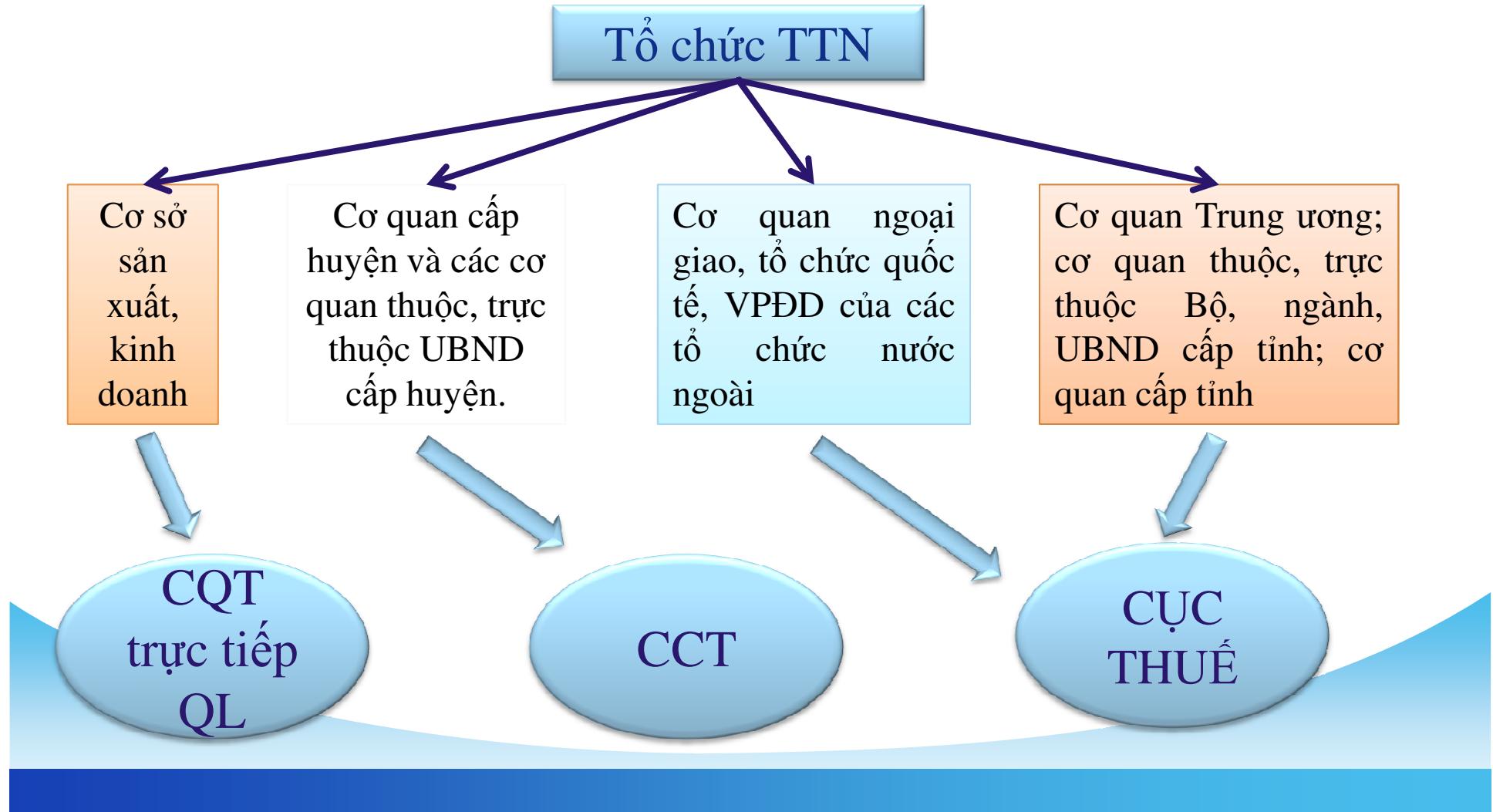
Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015

Cơ sở dữ liệu ngành



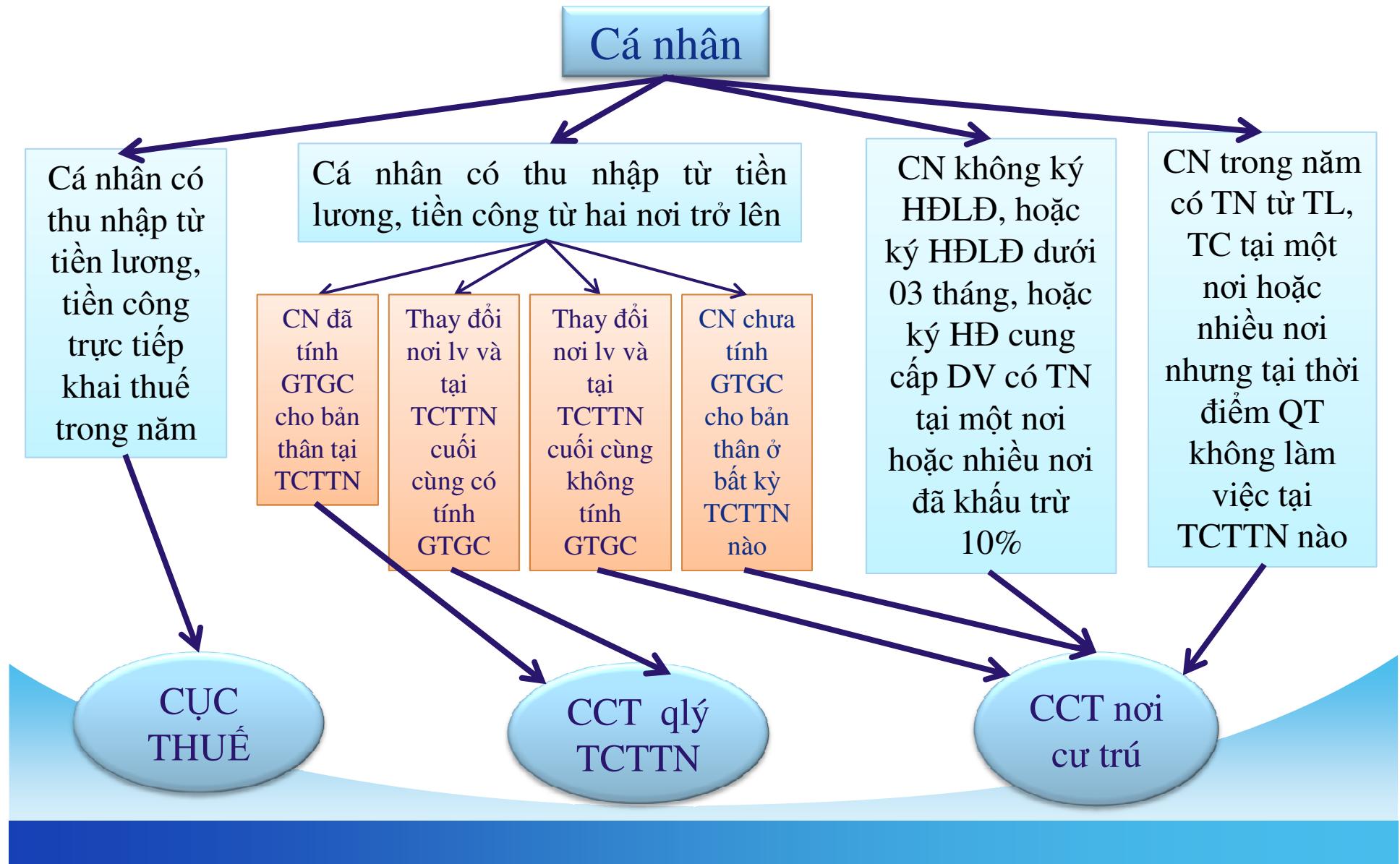


IV. NOI NỘP HỒ SƠ QTT TNCN





IV. NOI NỘP HỒ SƠ QTT TNCN (TIẾP)





V. THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ QTT TNCN

TCTTN &
CÁ NHÂN

chậm nhất là ngày thứ
90 kết thúc năm
dương lịch

CN cư trú là
người nước
ngoài

chậm nhất là
ngày thứ 45





VI. ĐĂNG KÝ MST CHO NNT

Thời hạn thực hiện đăng ký thuế:

- Thời hạn đăng ký thuế cho NPT cùng thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký giảm trừ gia cảnh.
- TCTTN thực hiện đăng ký thuế cho NNT và NPT một lần trong năm chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời điểm nộp HS QTT TNCN hàng năm/



Hồ sơ đăng ký thuế

Đối với NNT

**Đối với cá
nhân nộp
HS ĐKT
trực tiếp tại
CQT**

1. Tờ khai ĐKT
mẫu số 05-DK-
TCT (TT
95/2016/TT-BTC)

2. Bản sao Thẻ
căn cước công
dân (CMTND
còn hiệu lực);
Hộ chiếu còn
hiệu lực



Hồ sơ đăng ký thuế (tiếp)

Đối với NNT

Đối với cá nhân nộp HS với CQ chi trả thu nhập

1. Cá nhân gửi VB ủy quyền và giấy tờ cá nhân cho CQ chi trả thu nhập

2. CQ chi trả thu nhập tổng hợp thông tin ĐKT theo mẫu 05-ĐK-TH-TCT gửi qua Cổng TTĐT TCT



Hồ sơ đăng ký thuế (tiếp)

Đối với NPT

Đối với cá
nhân nộp
HS với CQ
chi trả thu
nhập

1. Tờ khai theo
mẫu 20-DK-
TCT

2. Bản sao Thẻ căn
cước công dân
(CMTND còn hiệu
lực) hoặc Giấy khai
sinh còn hiệu lực



Hồ sơ đăng ký thuế (tiếp)

Đối với NPT

Đối với cá
nhân nộp
HS với CQ
chi trả thu
nhập

1. Cá nhân gửi
VB ủy quyền
và giấy tờ NPT
cho CQ chi trả
thu nhập

2. CQ chi trả thu
nhập tổng hợp
thông tin ĐKT theo
mẫu 20-ĐK-TH-
TCT gửi qua Cổng
TTĐT TCT



Địa điểm nộp HS ĐKT

CN ủy quyền
qua CQ chi trả

HS ĐKT

CQ chi trả

TH tờ khai

CQT QL trực tiếp

Cá nhân nộp HS
ĐKT trực tiếp

Tại Cục Thuế
cá nhân thường
trú tại VN: CN
nước ngoài sử
dụng tiền viễn
trợ nhân đạo,
viễn trợ không
hoàn lại

Tại Cục Thuế
trực tiếp quản
lý nơi CN làm
việc: CN cư trú
có thu nhập do
các TC QT,
ĐSQ, Lãnh sự
quán trả nhưng
chưa thực hiện
khấu trừ thuế

Tại Cục Thuế
nơi phát sinh
công việc tại
VN : CN cư trú
có thu nhập do
các TC, CN trả
tù nước ngoài
(CN ko làm
việc tại VN)

Tại CCT nơi cá
nhân cư trú
(nơi đk thường
trú hoặc tạm
trú)



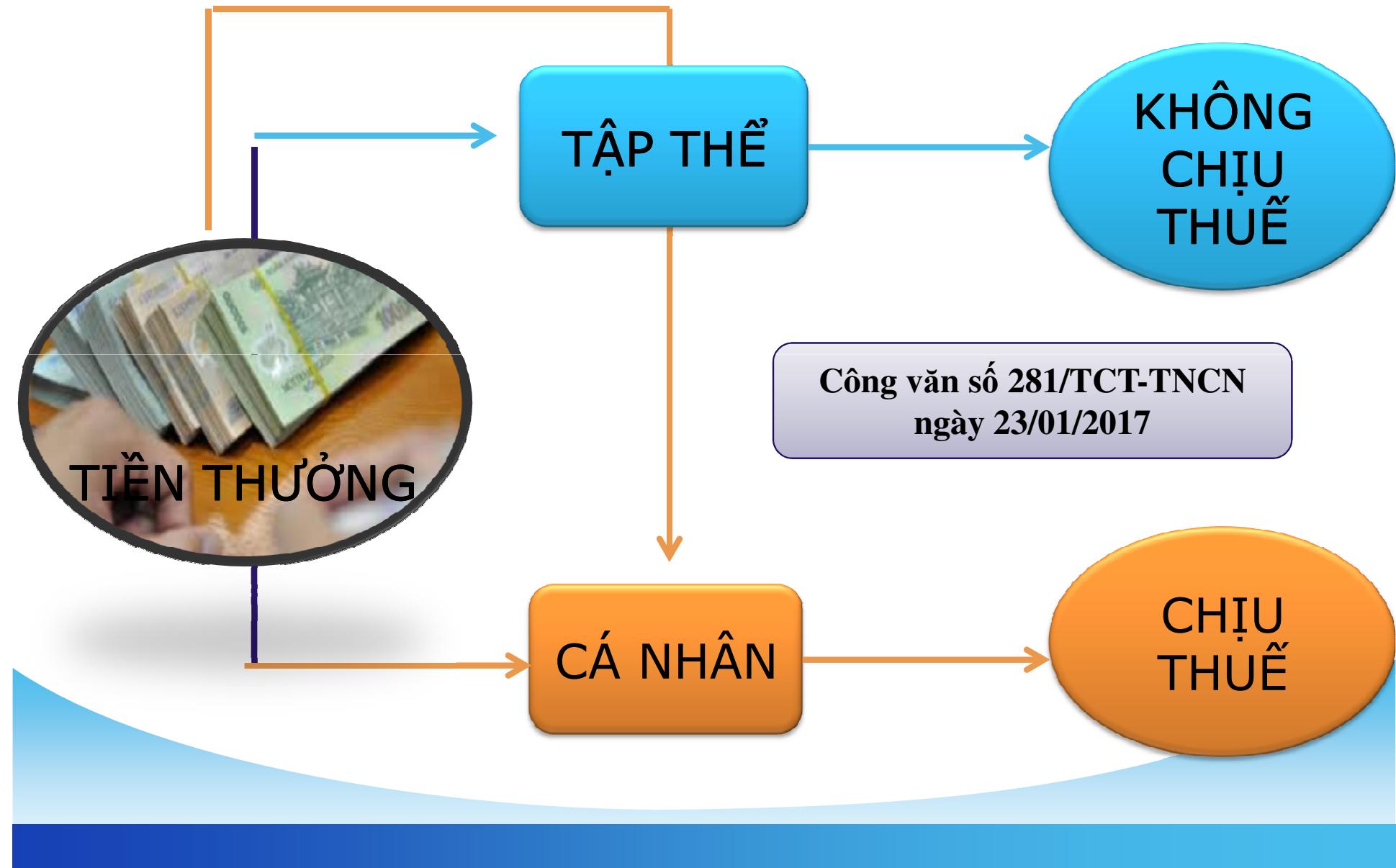
MỘT SỐ TÌNH HUỐNG VƯỚNG MẮC





Thưởng khuyến khích hiệu quả công việc.







CÁ
NHÂN
A

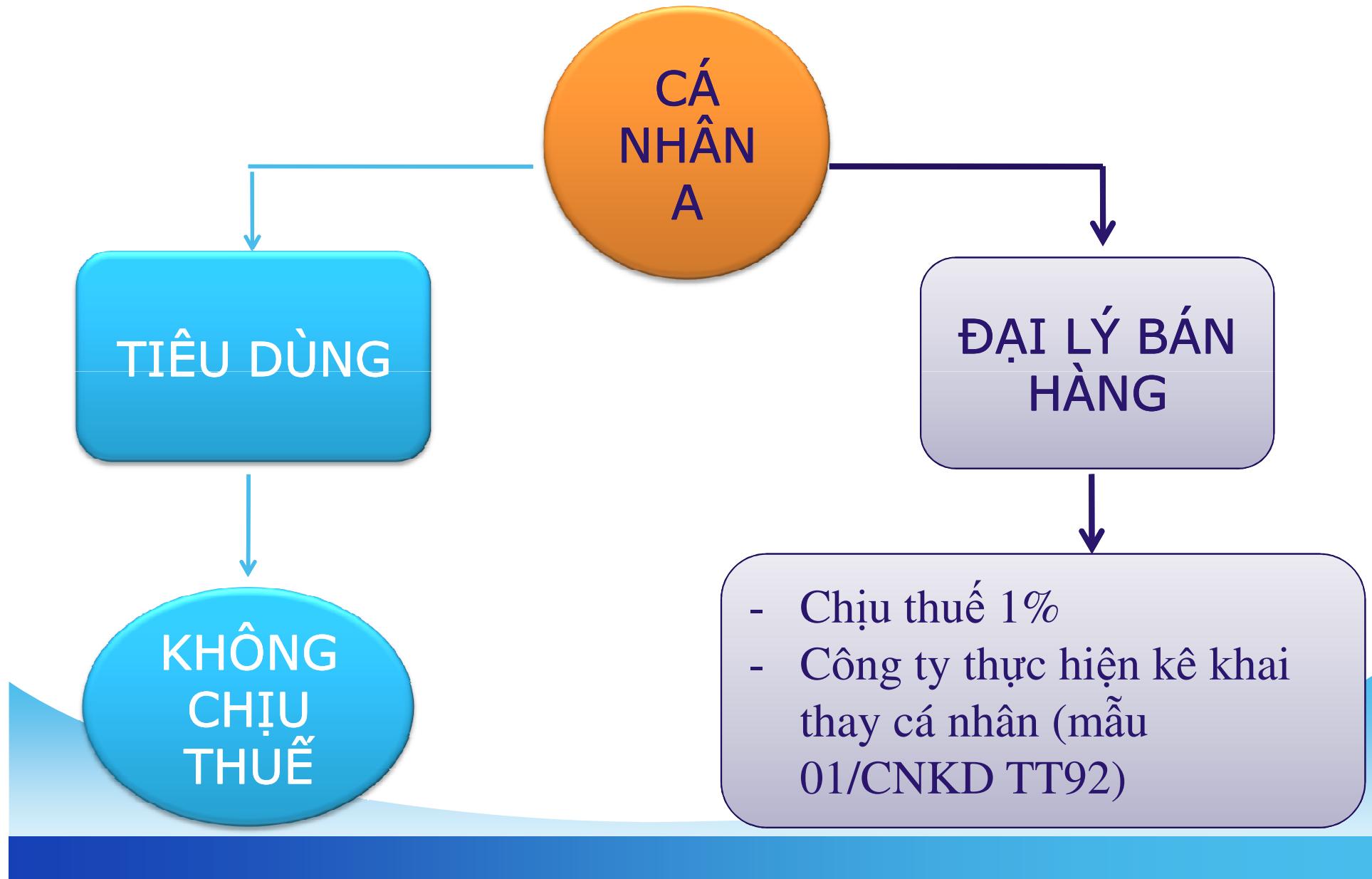


Mua hàng

Chiết khấu thanh toán

Cá nhân có
chịu thuế
TNCN hay
không???







Lương, lương, lương



Chịu thuế theo
biểu lũy tiến

Hỗ trợ tài chính



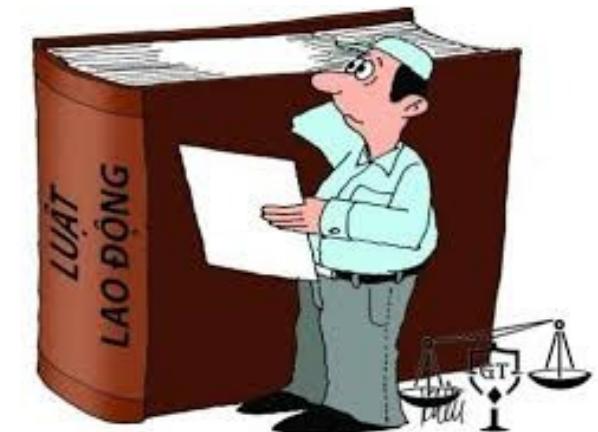
Có chịu
thuế TNCN
không?

Khoản chi trên 2
triệu khấu trừ theo
mức 10%

Trợ cấp thất nghiệp



Không chịu
thuế TNCN





Nơi nộp HS QTT của CN chuyển nơi làm việc?

Năm 2016 làm việc tại TP HCM, thuộc diện phải tự QTT TNCN.

Tháng 01/2017, làm việc tại cty A ở Hà Nội (CCT Hoàn Kiếm quản lý)

Tháng 01/2017, cư trú tại Tây Hồ



Giảm trừ bản thân tại cty A

CCT Hoàn Kiếm

Thời điểm QT

Ko giảm trừ bản thân tại cty A

CCT Tây Hồ



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

